

Cô Ba, ngày 14 tháng 4 năm 2025

BIÊN BẢN

**Công khai Quyết toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; chi ngân sách
địa phương năm 2024 trình Hội đồng nhân dân xã Quyết định
Quyết toán ngân sách xã năm 2024**

Hôm nay vào lúc 08 giờ, ngày 14 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở UBND xã Cô Ba, chúng tôi gồm có:

1. Ông: Nguyễn Trương Phương - Chủ tịch UBND;
2. Ông: Ma Văn Dìn - Phó Chủ tịch UBND;
3. Bà: Nông Thị Thu - Công chức Tài chính - Kế toán .
4. Ông: Hoa Văn Huân – Công chức Văn phòng - Thống kê
5. Bà: Lữ Thị Sinh - Chủ tịch UBMTTQVN xã;
6. Ông: Vương Văn Phần - Phó Chủ tịch HĐND xã;

Tổ chức niêm yết công khai Quyết toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; chi ngân sách địa phương năm 2024 trình Hội đồng nhân dân xã Quyết định Quyết toán ngân sách xã năm 2024, hồ sơ gồm có:

1. Báo cáo số 35a/BC-UBND ngày 14/04/2025 của UBND xã Cô Ba.
2. Các biểu mẫu liên quan: Đính kèm Biểu số 07; 08; 09 ban hành theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.
3. Địa điểm niêm yết: Bảng tin của UBND xã
4. Thời gian bắt đầu niêm yết: Từ ngày 23 tháng 4 năm 2025
5. Thời điểm kết thúc niêm yết: Hết ngày 22 tháng 5 năm 2025
6. Nơi tiếp nhận phản hồi (nếu có): Văn phòng UBND xã Cô Ba.

Biên bản lập xong hồi 08 giờ 20 phút cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua và ký xác nhận.

**ỦY BAN MTTQ XÃ
CHỦ TỊCH**



Lữ Thị Sinh

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trương Phương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ



Vương Văn Phần

Số: 35a /BC- UBND

Cô Ba, ngày 14 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO

**Thuyết minh Quyết toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; chi ngân sách địa phương năm 2024 trình Hội đồng nhân dân xã Quyết định
Quyết toán ngân sách xã năm 2024**

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số: 83/2015/QH13, ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Xử lý ngân sách cuối năm và lập báo cáo quyết toán ngân sách Nhà nước hàng năm;

Căn cứ Quyết định số 4880/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lạc về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 358/NQ-HĐND, ngày 29/12/2023 của Hội đồng nhân dân xã Cô Ba về Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2024;

Ngay từ đầu năm khi nhận được Quyết định của UBND huyện, Thường trực Ủy ban nhân dân xã đã tập trung chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể xã trên cơ sở dự toán được huyện giao, cùng phối hợp xây dựng phương án phân bổ chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 trình Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn và ban hành Quyết định giao cho các ngành, đoàn thể xã thực hiện. Đồng thời UBND xã đã chỉ đạo bộ phận chuyên môn hướng dẫn các đơn vị dự toán chấp hành ngân sách và thực hiện tốt công tác khóa sổ cuối năm theo hướng dẫn Bộ Tài chính. Trong thời gian chính lý đã đối chiếu để kịp thời điều chỉnh trong hạch toán kế toán. Giao cho bộ phận chuyên môn thẩm tra, phê duyệt quyết toán các ban ngành, đoàn thể xã; tổng hợp quyết toán ngân sách địa phương. UBND xã Cô Ba thuyết minh quyết toán ngân sách năm 2024 như sau:

**I- ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM
2024:**

*** Tổng thu ngân sách nhà nước:**

14.456.570.242 đồng

1. Thu ngân sách trên địa bàn là: 68.729.167 đồng. Đạt 149,41% so với dự toán huyện giao; Đạt 149,41% so với dự toán HĐND xã giao; Đạt 136,2% so với cùng kỳ năm 2023.

Đánh giá chi tiết lĩnh vực thu như sau:

- Thu thuế giá trị gia tăng: 19.562.413 đồng; đạt 279,46% so với dự toán huyện và xã giao. So với cùng kỳ năm 2023 đạt 603,77%.

- Thuế thu nhập cá nhân: 7.502.040 đồng đạt 250,07% so với dự toán huyện và xã giao. So với cùng kỳ 2023 đạt: 463%.

- Thu lệ phí trước bạ: 2.625.000 đồng, đạt 87,5% so với dự toán huyện và đạt 87,5% dự toán xã phân đầu. So với cùng kỳ năm 2023 đạt: 91,14%.

- Thu phí và lệ phí: 23.800.000 đồng, đạt 72% dự toán huyện và xã giao; Đạt 65,94% so cùng kỳ năm 2023.

- Thu khác của ngân sách: 15.239.714 đồng; Trong đó bao gồm thu phạt nộp thuế chậm, phạt vi phạm hành chính, Thu lệ phí môn bài,... đây là khoản thu phát sinh không ổn định hàng năm.

2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 14.336.055.000 đồng

- Thu bổ sung cân đối thường xuyên: 5.678.469.000 đồng

- Bổ sung có mục tiêu: 8.657.586.000 đồng

3. Thu chuyển nguồn: 13.920.075 đồng

Trong đó: - Ngân sách cấp huyện:đồng

- Ngân sách cấp xã: 13.920.075 đồng

4. Thu kết dư năm 2023: 37.866.000 đồng

5. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên cấp trên:đồng

6. Thu từ các khoản huy động, đóng góp:đồng

Nhìn chung số thu trên các lĩnh vực đều đạt và vượt so với dự toán huyện và xã giao. Có một số sắc thuế vượt khá cao so với chỉ tiêu giao như: Thu khác ngân sách; thu từ khu vực DN nhà nước địa phương quản lý; thu từ khu vực ngoài quốc doanh; lệ phí trước bạ; thu phí lệ phí. Để đạt được kết quả như trên là do có sự lãnh, chỉ đạo sát sao của thường trực Đảng ủy, HĐND xã và sự quản lý điều hành chặt chẽ, sát sao và có hiệu quả của Thường trực UBND xã, cùng với sự quyết tâm cố gắng của các ban ngành chuyên môn. Tuy nhiên vẫn còn có một số sắc thuế thu không đạt như: thu phí, lệ phí; lệ phí trước bạ.

Trong việc tổ chức thực hiện, công tác thu ngân sách đã được các ban ngành, đoàn thể, các bộ phận chuyên môn xã quan tâm hơn, đưa ra được những giải pháp tích cực hơn, có sự phối hợp thường xuyên trong việc kiểm tra, đôn đốc các đối tượng sản xuất, kinh doanh trên địa bàn nên hạn chế được việc trốn thuế, lậu thuế; các đơn vị đã cố gắng phấn đấu khắc phục khó khăn để duy trì phát triển sản xuất kinh doanh của đơn vị, nhiều Doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh đã có ý thức tự giác chấp hành chính sách thuế. Công tác quản lý thu ngân sách là vấn đề hết sức khó khăn do không có nguồn thu, chủ yếu thu phí, lệ phí rất ít không đáng kể, tuy nhiên các ban ngành, đoàn thể xã đã có sự quan tâm chỉ đạo thực hiện công tác thu ngân sách, đưa ra những giải pháp tích cực để tận thu các nguồn thu theo phân cấp trên địa bàn nên đã tận thu được các khoản thuế phải thu và đến 31/12/2024 đã thu đạt và vượt chỉ tiêu.

II- ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024:

*** Quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2024 là: 14.456.570.242 đồng.**

1- Chi đầu tư phát triển, chi chương trình MTQG:

Số quyết toán chi đầu tư năm 2024 là: 100.000.000 đồng. Bao gồm dự toán được giao trong năm và dự toán chuyển nguồn năm 2023 sang.

Ngay từ đầu năm Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo triển khai thực hiện các nguồn vốn theo kế hoạch được giao. Tuy nhiên công tác giải ngân vốn đầu tư XDCB và các chương trình dự án còn chậm so với tiến độ do nhiều nguyên nhân: do thủ tục hồ sơ, một số nguồn vốn được cấp bổ sung trong năm,..., một số dự án hoàn thành nhưng hồ sơ thanh toán lập không kịp thời thường dồn về cuối năm do đó làm ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân vốn theo kế hoạch. Trong tháng cuối năm bằng những giải pháp Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo các Tổ cộng đồng xóm, các đơn vị thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư tích cực đôn đốc các nhà thầu thi công hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ để giải ngân vốn theo kế hoạch năm. Trong năm 2023, việc thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công đã đạt được kết quả (đạt 54,17% so với dự toán giao) là nhờ sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, kịp thời của Đảng ủy, HĐND, UBND; sự chỉ đạo quyết liệt của UBND huyện, sự phối hợp chặt chẽ của các ban ngành, đoàn thể xã, sự ủng hộ của doanh nghiệp, người dân và những kết quả, kinh nghiệm có được trong việc triển khai kế hoạch đầu tư công các năm qua.

Việc triển khai các thủ tục đầu tư, thủ tục giải ngân thanh toán được chú trọng; các chủ đầu tư đã bám sát yêu cầu, chủ động đôn đốc các nhà thầu hoàn thiện hồ sơ để thanh toán khối lượng hoàn thành.

Công tác quản lý nhà nước về đầu tư công được đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định; công tác lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án, thiết kế kỹ thuật, dự toán đảm bảo quy trình, quy định, đáp ứng yêu cầu, khả năng cân đối nguồn vốn; công tác đấu thầu được thực hiện đúng quy định, bảo đảm công khai, minh bạch, cạnh tranh trong đấu thầu, lựa chọn được nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đáp ứng được yêu cầu về tiến độ gói thầu và chất lượng công trình.

Các chủ đầu tư đã chủ động phối hợp với các phòng ban, đơn vị liên quan giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư; công tác giải phóng mặt bằng cơ bản đảm bảo tiến độ thực hiện.

Nhiều công trình, dự án hoàn thành đúng tiến độ, đưa vào sử dụng đã góp phần từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng đô thị, tạo sức bật thúc đẩy kinh tế - xã hội tại địa phương, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân.

2- Chi thường xuyên: Quyết toán là: 12.732.161.607 đồng (Quyết toán năm đã bao gồm cả các khoản bổ sung trong năm: kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội, và các nhiệm vụ chi khác).

Do thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, các đơn vị sử dụng ngân sách đã tạo quyền chủ động trong quản lý và chi tiêu tài chính, tạo quyền chủ động cho cán bộ công chức trong cơ quan hoàn thành tốt nhiệm vụ, sử dụng tài sản công có hiệu quả và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhưng Bảo Lạc là huyện nghèo vùng sâu, vùng xa đường xá đi lại khó khăn; xa trung tâm tỉnh, các chế độ như công tác phí, tiền tàu xe tiền nghỉ, chi hội nghị, tiền xăng và sửa chữa xe và một số khoản chi khác phục vụ công tác chuyên môn, do sự biến động giá cả thị trường, định mức được phép chi thấp, nên chưa đáp ứng được các khoản chi hoạt động trên, dự toán được giao chỉ đủ chi lương và chi phục vụ cho một số nhiệm vụ chuyên môn được giao.

Các phòng ban chức năng chuyên môn đã có sự phối kết hợp thực hiện tốt việc giám sát chi của các đơn vị và các xã, đảm bảo chi đúng chế độ, đúng dự toán được duyệt, tiết kiệm có hiệu quả. Quản lý chi ngân sách thực hiện tiết kiệm, đảm bảo định mức, chế độ nhà nước quy định; góp phần thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, chính trị, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh và nghiêm túc thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ. Chủ động điều hành chi NSNN trong phạm vi dự toán ngân sách được giao, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Xác định các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, hướng dẫn các cơ quan, các huyện, thành phố chủ động sắp xếp bố trí các khoản chi theo dự toán đã được giao, bổ sung dự toán kịp thời đáp ứng các nhiệm vụ đột xuất phát sinh và những nhiệm vụ chính trị quan trọng của địa phương.

Quyết toán chi thường xuyên và mục tiêu sự nghiệp tăng so với dự toán do trong năm bổ sung kinh phí thực hiện một số chế độ chính sách như: thực hiện tăng mức lương cơ sở theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP; kinh phí thực hiện các chế độ an sinh xã hội như: hỗ trợ người nghèo ăn tết; kinh phí nghỉ hưu theo NĐ 108, NĐ 26; và các nhiệm vụ chi khác như: kinh phí khắc phục bão lũ, kinh phí thực hiện giá đất cụ thể...., chi một số nội dung, nhiệm vụ thực hiện chuyển nguồn năm trước chuyển sang để cải tạo, sửa chữa cơ sở hạ tầng, giao thông nông thôn. Một số nội dung chi thường xuyên không thực hiện được trong năm nên thu hồi, một số nội dung nhiệm vụ thực hiện chuyển nguồn sang năm sau.

3- Bổ sung cho ngân sách cấp dưới: 0.đồng

4- Chi chuyển nguồn sang năm 2025 là: 1.624.408.635 đồng

5- Chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN: 0đ

6- Chi nộp ngân sách cấp trên: 0 đồng

7- Chi nguồn dự phòng ngân sách năm 2024: (số quyết toán có trong tổng chi thường xuyên):

Tổng số được chi năm 2024: 110.911.000 đồng.

Trong đó:

- Nguồn tiết kiệm chi năm 2023 chuyển sang:	0 đ
- Nguồn dự phòng năm 2024 được giao:	110.911.000 đ
- Số đã sử dụng năm 2024 là:	110.911.000 đ

Trong đó:

+ Hỗ trợ các hộ bị thiệt hại do thiên tai gió lốc gây ra (đợt 1+2)	32.500.000 đ
+ Hỗ trợ hộ gia đình bị sạt lở hoàn toàn do bão số 3 gây ra	5.000.000 đ
+ Hỗ trợ bị thiệt mạng trên chuyến xe khách tại Ca Thành, Nguyễn Bình	5.000.000 đ
+ Hỗ trợ các hộ dân bị ngập úng do cơn bão số 3 gây ra	4.411.000 đ
+ Hỗ trợ các hộ dân khắc phục sau cơn bão số 3 gây ra	64.000.000 đ

- Dự phòng chưa sử dụng:

0 đ

8- Nguồn tăng thu năm 2024:

.....đ

70% tăng thu chuyển nguồn làm CCTL 2024:

.....đ

30% chi đầu tư CSHT:

Tăng thu từ tiền thuê nhà thuộc SHNN, phí BVMT

Đã chuyển nguồn sang năm 2023:

Để đạt được kết quả như trên là sự chỉ đạo sát sao của Thường trực Đảng uỷ, sự giám sát của Hội đồng nhân dân xã và sự điều hành quyết liệt có hiệu quả của Thường trực Uỷ ban nhân dân xã cùng sự nỗ lực, cố gắng của các ban ngành, đoàn thể xã, do đó tình hình kinh tế - xã hội của xã cơ bản ổn định, an sinh xã hội được đảm bảo, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Song năm 2024 được thực hiện trong bối cảnh kinh tế - xã hội của xã gặp không ít khó khăn thách thức: Xã Cô Ba là một xã biên giới nghèo, dân cư phân tán, trình độ dân trí không đồng đều, giao thông đi lại khó khăn, địa hình miền núi phức tạp nhất là các xóm vùng sâu, vùng xa, nguồn thu không ổn định, không có nguồn thu, không có chợ do đó chỉ tiêu thu giao về xã cơ bản rất khó khăn. Tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp trên địa bàn, tình hình dịch bệnh ở gia súc, gia cầm, thiên tai, hỏa hoạn diễn ra thường xuyên ảnh hưởng đến đời sống sản xuất của nhân dân... tuy vậy xã đã chủ động tìm ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn, phấn đấu thu đạt và vượt so với dự toán giao. Chủ động sử dụng các nguồn dự phòng, tăng thu tiết kiệm chi, các nguồn tài chính địa phương để chi cho công tác phòng, chống dịch bệnh, các chính sách an sinh xã hội, chi công tác phòng chống dịch bệnh động vật, chi khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ và các nhiệm vụ cấp thiết an ninh, quốc phòng, các nhiệm vụ đột xuất phát sinh theo quy định và chi cho một số nội dung phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Đồng thời chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra tài chính - ngân sách, công tác kiểm soát chi NSNN, phát hiện, chấn chỉnh và xử lý kịp thời các sai phạm.

III- KẾT DƯ NGÂN SÁCH: 0 đồng.

Vốn đầu tư:

Vốn thường xuyên:

Trên đây là thuyết minh báo cáo quyết toán thu chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Cô Ba năm 2024./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trương Phương

Tỉnh: Cao Bằng
Huyện: Bảo Lạc
Xã: Cô Ba

Mẫu biểu số 07

BIỂU CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
Tổng số thu	14.456.570.242	Tổng số chi	14.456.570.242
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	68.729.167	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)		II. Chi thường xuyên	12.832.161.607
III. Thu bổ sung	14.336.055.000	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	1.624.408.635
- Bổ sung cân đối ngân sách	5.678.469.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	8.657.586.000		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	37.866.000		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	13.920.075		
Kết dư ngân sách			0

Tỉnh: Cao Bằng
Huyện: Bảo Lạc
Xã: Cô Ba

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
Tổng số thu	5.656.469.000	5.656.469.000	14.456.570.242	14.456.570.242	255,58	255,58
I. Các khoản thu 100%	46.000.000	46.000.000	68.729.167	68.729.167	149,41	149,41
1. Phí, lệ phí	33.000.000	33.000.000	23.800.000	23.800.000	72,12	72,12
2. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3. Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp			14.039.714	14.039.714		
4. Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6. Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8. Thu khác						
9. Các khoản thu phân chia			0			
9.1. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
9.2. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			1.200.000	1.200.000		
9.3. Lệ phí trước bạ nhà, đất	3.000.000	3.000.000	2.625.000	2.625.000	87,50	87,50
10. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
10.1. Thuế giá trị gia tăng	7.000.000	7.000.000	19.562.413	19.562.413	279,46	279,46
10.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp			0			
10.3. Thuế thu nhập cá nhân	3.000.000	3.000.000	7.502.040	7.502.040	250,07	250,07
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)						
1. Các khoản thu phân chia						
1.1. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình			0			
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
2.1. Thu tiền sử dụng đất			0			
2.2. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước			0			
2.3. Thuế tài nguyên			0			
2.4. Thuế thu nhập doanh nghiệp			0			
2.5. Thuế tiêu thụ đặc biệt			0			
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
			13.920.075	13.920.075		
IV. Thu chuyển nguồn			37.866.000	37.866.000		
V. Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.610.469.000	5.610.469.000	14.336.055.000	14.336.055.000	255,52	255,52
Thu bổ sung cân đối	5.610.469.000	5.610.469.000	5.678.469.000	5.678.469.000	101,21	101,21
Thu bổ sung có mục tiêu			8.657.586.000	8.657.586.000		

Tỉnh: Cao Bằng
Huyện: Bảo Lạc
Xã: Cô Ba



TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4
Tổng số chi	5.656.469.000		5.656.469.000	14.456.570.242		14.456.570.242	255,58		255,58
1. Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	750.884.000		750.884.000	770.390.792		770.390.792	102,60		102,60
1.1. Chi dân quân tự vệ	427.156.000		427.156.000	424.486.792		424.486.792	99,38		99,38
1.2. Chi trật tự an toàn xã hội	323.728.000		323.728.000	345.904.000		345.904.000	106,85		106,85
2. Chi giáo dục				0					
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ				0					
4. Chi y tế				0					
5. Chi văn hóa, thông tin	370.784.000		370.784.000	289.150.362		289.150.362	77,98		77,98
6. Chi phát thanh, truyền thanh				0					
7. Chi thể dục, thể thao	27.000.000		27.000.000	27.000.000		27.000.000	100,00		100,00
8. Chi bảo vệ môi trường	10.000.000		10.000.000	10.000.000		10.000.000	100,00		100,00
9. Chi các hoạt động kinh tế	171.000.000		171.000.000	171.000.000		171.000.000	100,00		100,00
9.1. Giao thông	171.000.000		171.000.000	171.000.000		171.000.000	100,00		100,00
9.2. Nông - lâm - thủy lợi - hải sản				0		0	#DIV/0!		#DIV/0!
9.3. Thị chính				0					
9.4. Thương mại, du lịch				0					
9.5. Các hoạt động kinh tế khác				0					
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.215.890.000		4.215.890.000	5.930.033.453		5.930.033.453	140,66		140,66
Trong đó: Quỹ lương				0					
10.1. Quản lý Nhà nước	2.192.635.000		2.192.635.000	3.169.426.683		3.169.426.683	144,55		144,55
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	719.272.000		719.272.000	1.081.403.058		1.081.403.058	150,35		150,35
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	389.592.000		389.592.000	564.387.486		564.387.486	144,87		144,87

Tỉnh: Cao Bằng

Huyện: Bảo Lạc

Xã: Cô Ba

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4
1									
10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	204.927.000		204.927.000	251.199.244		251.199.244	122,58		122,58
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	188.602.000		188.602.000	234.167.724		234.167.724	124,16		124,16
10.6. Hội Nông dân	274.407.000		274.407.000	343.693.508		343.693.508	125,25		125,25
10.7. Hội Cựu chiến binh	200.535.000		200.535.000	221.995.750		221.995.750	110,70		110,70
10.8. Hội chữ thập đỏ	18.640.000		18.640.000	23.166.000		23.166.000	124,28		124,28
10.9. Hội người cao tuổi	27.280.000		27.280.000	40.594.000		40.594.000	148,80		148,80
11. Chi cho công tác xã hội	0		0	80.898.000		80.898.000			
11.1. Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác									
11.2. Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
11.3. Trợ cấp xã hội									
11.4. Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng									
11.5. Khác (tiền thưởng)	0			80.898.000		80.898.000			
12. Chi khác				5.442.778.000		5.442.778.000			
13. Dự phòng	110.911.000		110.911.000	110.911.000		110.911.000	100,00		100,00
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				1.624.408.635		1.624.408.635			
Nộp trả ngân sách cấp trên									

